

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

**CHÍNH THỨC**

25-04-2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
VINAMILK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Quý I năm 2009**

**TỪ NGÀY 01/01/2009 ĐẾN NGÀY 31/3/2009**

**(DẠNG ĐẦY ĐỦ)**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

### **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 31 tháng 3 năm 2009***MẪU SỐ B 01a-DN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A-TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>3.301.808.001.281</b>	<b>3.187.605.013.312</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.000.059.805.331</b>	<b>338.653.634.582</b>
1. Tiền	111		161.178.805.331	132.976.253.257
2. Các khoản tương đương tiền	112		838.881.000.000	205.677.381.325
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>220.717.934.492</b>	<b>374.002.285.692</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	349.200.722.070	496.998.072.070
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.3	(128.482.787.578)	(122.995.786.378)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>690.987.759.537</b>	<b>646.384.971.761</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	539.585.791.009	530.148.996.144
2. Trả trước cho người bán	132		117.115.210.139	75.460.561.209
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	34.434.138.519	40.922.794.538
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(147.380.130)	(147.380.130)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.346.421.847.837</b>	<b>1.775.341.893.286</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.358.873.677.522	1.789.645.993.109
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(12.451.829.685)	(14.304.099.823)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>43.620.654.084</b>	<b>53.222.227.991</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	33.611.041.167	31.459.932.494
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.506.890.139	19.195.984.660
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.10	3.625.068	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.499.097.710	2.566.310.837

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2009

**MẪU SỐ B01a-DN**

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>2.803.671.999.464</b>	<b>2.779.353.212.965</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>64.273.723</b>	<b>474.494.723</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		64.273.723	474.494.723
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.959.929.205.271</b>	<b>1.936.922.488.423</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.522.022.691.789	1.529.186.585.828
- Nguyên giá	222		2.660.766.010.422	2.618.637.470.902
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.138.743.318.633)	(1.089.450.885.074)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	47.321.296.771	50.868.169.138
- Nguyên giá	228		79.416.077.317	79.416.077.317
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(32.094.780.546)	(28.547.908.179)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	390.585.216.711	356.867.733.457
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>27.489.150.000</b>	<b>27.489.150.000</b>
- Nguyên giá	241		27.489.150.000	27.489.150.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>556.204.709.351</b>	<b>570.657.269.351</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	23.701.955.551	23.701.955.551
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	543.755.313.800	546.955.313.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.16	(11.252.560.000)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>259.984.661.119</b>	<b>243.809.810.468</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	194.888.723.948	195.512.328.998
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		64.073.691.931	47.275.236.230
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.022.245.240	1.022.245.240
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>			-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)</b>	<b>270</b>		<b>6.105.480.000.745</b>	<b>5.966.958.226.276</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)***Tại ngày 31 tháng 3 năm 2009***MẪU SỐ B01a-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)</b>	<b>300</b>		<b>889.681.752.500</b>	<b>1.154.432.061.176</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>692.915.317.545</b>	<b>972.502.442.356</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	9.963.436.000	188.221.936.000
2. Phải trả người bán	312	V.19	264.619.688.873	492.556.006.179
3. Người mua trả tiền trước	313		9.217.572.763	5.916.899.180
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	151.793.229.414	64.187.551.830
5. Phải trả người lao động	315		36.755.478.052	3.103.387.460
6. Chi phí phải trả	316	V.21	147.705.797.923	144.052.341.695
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	72.860.114.520	74.464.320.012
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>196.766.434.955</b>	<b>181.929.618.820</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		89.853.989.972	93.612.316.987
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		51.000.000.000	30.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	19.926.872.000	22.417.731.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		35.985.572.983	35.899.570.833
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)</b>	<b>400</b>	<b>V.24</b>	<b>5.164.943.140.054</b>	<b>4.761.912.645.765</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>5.106.177.021.062</b>	<b>4.665.714.594.626</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.752.756.700.000	1.752.756.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.064.948.051.177	1.064.948.051.177
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ ( * )	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		919.340.582.226	869.697.027.622
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		175.275.670.000	175.275.670.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.193.856.017.659	803.037.145.827
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>58.766.118.992</b>	<b>96.198.051.139</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		58.766.118.992	96.198.051.139
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>50.855.108.191</b>	<b>50.613.519.335</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)</b>	<b>440</b>		<b>6.105.480.000.745</b>	<b>5.966.958.226.276</b>


**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****MẪU SỐ B01a-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

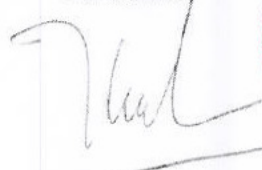
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ gia công		225.810.220	236.130.220
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		1.626.432,75	1.896.238,64
EUR		5.564,26	3.843,23
AUD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 25 tháng 04 năm 2009

Trưởng Ban Kế Toán  
Tổng Hợp

  
Nguyễn Việt Hùng

P. Tổng Giám Đốc  
Tài Chính

  
Ngô Thị Thu Trang



Tổng Giám Đốc

  
Mai Kiều Liên

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**(Dạng đầy đủ)**  
**Quý I năm 2009****MẪU SỐ B02a-DN**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2009	Quý I năm 2008
1	2	3	6	7
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1</b>	<b>VI.1</b>	<b>2.109.616.212.434</b>	<b>1.804.944.206.961</b>
2. Các khoản giảm trừ	3		(41.034.747.453)	(32.395.579.628)
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 + 03 )</b>	<b>10</b>		<b>2.068.581.464.981</b>	<b>1.772.548.627.333</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>VI.2</b>	<b>(1.397.814.417.723)</b>	<b>(1.246.327.155.895)</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 + 11 )</b>	<b>20</b>		<b>670.767.047.258</b>	<b>526.221.471.438</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	80.966.815.573	129.504.670.804
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(35.451.603.431)	(86.725.290.515)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	(216.890.088.318)	(203.674.280.618)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	(59.859.810.240)	(57.992.823.044)
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21+22) + (24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>439.532.360.842</b>	<b>307.333.748.065</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.5	25.567.456.949	39.911.209.719
12. Chi phí khác	32	VI.6	(5.130.756.969)	(2.534.395.834)
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)</b>	<b>40</b>		<b>20.436.699.980</b>	<b>37.376.813.885</b>
14. Phần lãi/(lỗ) trong liên doanh			113.357.506.654	(13.536.500.000)
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>573.326.567.476</b>	<b>331.174.061.950</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(104.700.448.281)	(36.036.338.263)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		16.798.455.701	-
<b>18. Lợi ích của Cổ đông thiểu số (241.588.857)</b>			<b>(241.588.857)</b>	<b>585.289.906</b>
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)</b>	<b>60</b>		<b>485.182.986.039</b>	<b>295.723.013.595</b>
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.7</b>	<b>2.768</b>	<b>1.687</b>

Lập ngày 25 tháng 04 năm 2009

Trưởng Ban Kế Toán  
Tổng Hợp

Nguyễn Việt Hùng

P. Tổng Giám Đốc  
Tài Chính

Ngô Thị Thu Trang



Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)***Quý I năm 2009****MẪU SỐ B 03a-DN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2009	Quý I năm 2008
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>573.326.567.476</b>	<b>331.174.061.952</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	2	V.11	53.578.126.242	34.057.025.681
- Các khoản dự phòng	3	V.12	14.887.291.062	68.974.317.556
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(10.294.963.154)	341.613.094
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(148.384.868.167)	(120.712.675.825)
- Chi phí lãi vay	6	VI.4	1.575.608.189	8.634.782.896
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>484.687.761.648</b>	<b>322.469.125.354</b>
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(45.538.667.389)	(40.201.114.997)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		427.405.447.671	(7.460.859.841)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(81.691.706.833)	(266.034.161.699)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.527.503.623)	(687.338.892)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.222.318.986)	(1.125.519.547)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(44.208.310.115)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		87.014.000	81.346.325.445
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(87.016.997.896)	(135.617.985.330)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>649.974.718.477</b>	<b>(47.311.529.507)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(131.845.301.031)	(128.958.734.133)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.197.014.667	432.780.346
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(55.004.300.000)	(493.282.617.233)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		217.968.250.000	167.401.586.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(18.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		134.267.250.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.792.482.139	8.266.460.757
8. Khoản góp vốn của cổ đông thiểu số trong công ty con			-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>180.375.395.774</b>	<b>(464.640.524.263)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	548.895.800.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(180.749.359.000)	(2.490.859.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(180.749.359.000)</b>	<b>546.404.941.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>649.600.755.252</b>	<b>34.452.887.230</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>338.653.634.582</b>	<b>117.818.399.217</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi Ngoại tệ	61	11.805.415.497	341.196.146
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>1.000.059.805.331</b>	<b>152.612.482.593</b>

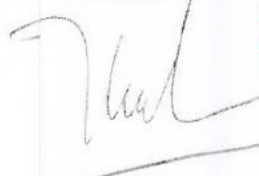
Lập ngày 25 tháng 04 năm 2009

Trưởng Ban Kế Toán  
Tổng Hợp



Nguyễn Việt Hùng

P. Tổng Giám Đốc  
Tài Chính



Ngô Thị Thu Trang



Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

# **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 3 năm 2009**

*(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

## **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con ( gọi chung là Tập đoàn) :

- + Ngày 29/04/1993: Công ty Sữa Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ theo loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước .
- + Ngày 01/10/2003: Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN..
- + Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932 .
- + Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006: Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.
- + Ngày 12/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp.
- + Ngày 14/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- + Ngày 26/02/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở Công Ty Cổ Phần Sữa Việt Nam theo giấy phép được đặt tại địa chỉ 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 31/03/2009,

**+ Tập đoàn có các đơn vị phụ thuộc, công ty con như sau:**

#### **Các chi nhánh:**

- CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Số 57 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy
- CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Số 175 Triệu Nữ Vương, Đà Nẵng.
- CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Thới Bình, TP Cần Thơ.

#### **Các nhà máy , xí nghiệp , phòng khám:**

- Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

- Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- Nhà máy sữa Diélac- Khu Công nghiệp Biên hòa I, Đồng Nai.
- Nhà máy sữa Hà Nội - Xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.
- Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12 TP HCM.
- Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò.
- Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn.
- Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8, Q1 TP HCM.
- Nhà máy cà phê Sài Gòn - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II – Tỉnh Bình Dương
- Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn – Bắc Ninh

### **Công ty con:**

#### **+ Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn**

- Địa chỉ: KCN Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55%

#### **+ Công ty Một Thành Viên Bò Sữa Việt Nam**

- Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

#### **+ Công ty Một Thành Viên Đầu tư BĐS Quốc tế**

- Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P6, Q3, TP Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

### **Công ty con: ( gián tiếp thông qua Công ty Một Thành Viên Đầu tư BĐS Quốc tế )**

#### **+ Công ty Cổ phần BĐS Chiến Thắng – Việt Nam**

- Địa chỉ: 95 Lê Lợi, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 64,25%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 64,25%

### **Công ty liên kết:**

#### **+ Công ty Cổ Phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn**

- Địa chỉ: Lô C-9E-CN, KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tỷ lệ phần sở hữu: 20 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20%

### **Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:**

#### **+ Trang trại mẫu Campina**

- Địa chỉ trụ sở chính:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

Công ty TNHH Campina Việt Nam

Tầng 11, 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TPHCM

Tỷ lệ phần sở hữu: 24,5 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 24,5%

### **+ Căn hộ Horizon**

- Địa chỉ trụ sở chính:

Công ty địa ốc FICO

Tầng lửng, Khu C, 348 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 5, TPHCM

Tỷ lệ phần sở hữu: 25 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%

## **2. Ngành nghề kinh doanh:**

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, Tập đoàn được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu.
- c. Kinh doanh nhà.
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản.
- e. Kinh doanh kho, bến bãi.
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- g. Bốc xếp hàng hóa.
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phìn-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở).
- i. Sản xuất và mua bán bao bì.
- j. In trên bao bì.
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).
- l. Phòng khám đa khoa
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt .

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán quý 1 bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/03

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

- + Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006
- + Tập đoàn soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- + Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.
- + Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

- + Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

- + Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

- + Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### **2. Tiền và tương đương tiền:**

- a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- + Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ( không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

+ Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
- Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào Giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
- Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo .

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

**+ Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ :**

- Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

**+ Đối với tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ:**

- Cuối quý : đánh giá lại theo tỷ giá của Ngân hàng Ngoại Thương tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được ghi nhận vào chi phí hay doanh thu tài chính.

**+ Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:**

31/12/2008: 16.977 VNĐ/USD ( theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng)

31/03/2009: 17.802 VNĐ/USD ( theo tỷ giá ngân hàng Ngoại thương công bố)

### 3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- + Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- + Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được ( giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

- + Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.
- b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:
  - + Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
  - + Hàng tồn kho trong kỳ nhập khẩu được ghi nhận tăng trong kỳ theo tỷ giá ngoại tệ thực tế tại thời điểm giao hàng.
  - + Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).
- c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:  
Phương pháp kê khai thường xuyên.
- d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:
  - + Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo chính sách 06/CS-CTS.KSNB/2008 ban hành ngày 31/12/2008 (trên cơ sở tuân thủ Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2007 của Bộ Tài Chính )

#### **4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:**

- a. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- b. Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt .
- c. Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
  - + Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
    - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
    - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
    - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - + Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

#### + TSCĐ hữu hình:

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.  
Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.  
Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính .
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.
- Chi phí phát triển dần bù được vốn hóa cho đến khi chúng trưởng thành và chuyển sang thành tài sản cố định để trích khấu hao

#### + TSCĐ vô hình:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao:

+ TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) được thực hiện theo quyết định QĐ 67/QĐ-CTS-KTTK ngày 12/01/2004 do Công ty CP sữa Việt Nam ban hành cụ thể như sau:

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5- 8
Bò tài sản	6



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

+ Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.

+ TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn không áp dụng trích khấu hao. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

### **6. Đầu tư tài chính**

+ Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

+ Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

+ Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

+ Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:**

+ Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

+ Đối với trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

+ Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất kinh doanh trong kỳ, tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí sản xuất kinh doanh lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

+ Trong quý I năm 2009, Công ty không có phát sinh về nghiệp vụ vay vốn cho đầu tư XD CB và mua sắm tài sản cho nên toàn bộ chi phí lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

### **8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:**

- + Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- + Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
  - Theo thời gian hữu dụng xác định: phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà đất trả trước
  - Theo thời gian hữu dụng quy ước: phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ...

### **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
- + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
- + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
- + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.  
Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:
  - + Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế
  - + Quỹ khen thưởng phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế
  - + Quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn chủ sở hữu), phần còn lại ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

### **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính, thu nhập khác:**

+ Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

+ Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

+ Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
  - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
  - + Lỗ đầu tư chứng khoán: được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại:**

- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm: chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lãi hoặc lỗ trong một kỳ.
  - Chi phí thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.
  - Chi phí thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

- + Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với thu nhập theo kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa thuế và kế toán.
- + Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.
- + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- + Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 28% trên lợi nhuận chịu thuế, tùy theo địa điểm hoạt động của các nhà máy.

### **14. Hợp nhất báo cáo**

#### **Công ty con**

- + Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt nhất kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.
- + Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

---

- + Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

### **Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số.**

- + Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

### **Công ty liên kết**

- + Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.
- + Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.
- + Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện của các nghiệp vụ nội bộ giữa Tập đoàn với công ty liên kết sẽ được giảm trừ vào lãi đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán của công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách mà Tập đoàn áp dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	865.777.123	647.909.279
- Tiền gửi ngân hàng	152.672.172.029	130.543.561.635
- Tiền đang chuyển	7.640.856.179	1.784.782.343
- Các khoản tương đương tiền	838.881.000.000	205.677.381.325
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	838.876.000.000	205.677.381.325
• Cổ phiếu	-	-
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.000.059.805.331</u></b>	<b><u>338.653.634.582</u></b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	185.828.322.070	182.633.322.070
• Cổ phiếu	182.628.322.070	180.228.322.070
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	3.200.000.000	2.405.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	163.372.400.000	314.364.750.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	163.372.400.000	106.396.500.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	-	207.968.250.000
<b>Cộng</b>	<b><u>349.200.722.070</u></b>	<b><u>496.998.072.070</u></b>

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(128.482.787.578)	(122.995.786.378)
- Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(128.482.787.578)</u></b>	<b><u>(122.995.786.378)</u></b>

**4. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	392.290.753.702	374.571.347.555
- Khách hàng nước ngoài	147.295.037.307	155.577.648.589
<b>Cộng</b>	<b><u>539.585.791.009</u></b>	<b><u>530.148.996.144</u></b>

**5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	151.373.113	-
- Lãi tiền gửi phải thu	4.383.427.271	9.694.728.839
- Cổ tức, trái tức và lợi nhuận được chia	1.046.931.889	10.708.531.889

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cho vay ngắn hạn	-	-
- Thuế NK còn được hoàn	20.342.652.016	11.904.998.960
- NH TMCP Bảo Việt	-	3.200.000.000
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	741.953.765	741.940.306
- Phải thu khác	7.767.800.465	4.672.594.544
<b>Cộng</b>	<b><u>34.434.138.519</u></b>	<b><u>40.922.794.538</u></b>
<b>6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(120.504.562)	(120.504.562)
• <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm</i>	(107.673.844)	(107.673.844)
• <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	(12.830.718)	(12.830.718)
• <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	-	-
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(26.875.568)	(26.875.568)
<b>Cộng</b>	<b><u>(147.380.130)</u></b>	<b><u>(147.380.130)</u></b>
<b>7. Hàng tồn kho</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	91.693.961.641	219.523.626.450
- Nguyên liệu, vật liệu	938.520.106.742	1.231.150.285.523
- Công cụ, dụng cụ	3.633.026.214	5.756.414.442
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	114.853.408.355	104.992.369.719
- Thành phẩm	202.991.540.514	217.382.773.314
- Hàng hóa	7.181.634.056	10.709.679.756
- Hàng gửi đi bán	-	130.843.905
- Hàng hóa bất động sản	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.358.873.677.522</u></b>	<b><u>1.789.645.993.109</u></b>
<b>8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	(9.244.335.791)	(9.457.531.846)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(2.236.090.102)	(3.728.140.954)
- Nhiên liệu	-	(31.489.193)
- Thành phẩm	(744.230.649)	(901.295.089)
- Hàng hóa	(227.173.143)	(185.642.741)
<b>Cộng</b>	<b><u>(12.451.829.685)</u></b>	<b><u>(14.304.099.823)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển giảm khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	1.641.491.395	9.842.013.622	2.574.612.242	-	8.908.892.775
- Chi phí quảng cáo	7.873.032.531	-	5.936.726.403	-	1.936.306.128
- Chi phí tư vấn pháp lý	-	-	-	-	-
- Chi phí tu động, tu mát	8.493.035.020	1.255.872.119	5.116.269.906	-	4.632.637.233
- Chi phí thuê đất, nhà xưởng, VP, ụ kệ	5.990.898.361	5.784.239.867	3.680.751.419	-	8.094.386.809
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.176.287.208	2.093.157.571	3.185.142.345	-	1.084.302.434
- CP cải tạo, sửa chữa lớn	1.876.705.301	4.760.544.136	758.368.556	1.481.411.158	4.397.469.723
- Chi phí khác	3.408.482.678	6.375.227.373	5.226.663.986	-	4.557.046.065
<b>Cộng</b>	<b><u>31.459.932.494</u></b>	<b><u>30.111.054.688</u></b>	<b><u>26.478.534.857</u></b>	<b><u>1.481.411.158</u></b>	<b><u>33.611.041.167</u></b>

**10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	3.625.068	-
- Thuế Giá trị gia tăng nộp thừa	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.625.068</u></b>	<b><u>-</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Gia súc	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
<b>Số dư đầu kỳ 01/01/2009</b>	<b>505.156.749.582</b>	<b>1.747.393.087.622</b>	<b>255.102.811.776</b>	<b>89.538.467.259</b>	<b>21.446.354.663</b>	<b>2.618.637.470.902</b>
Mua trong kỳ	96.498.817	799.629.032	7.871.198.377	413.513.220	-	9.180.839.446
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.215.703.786	13.480.846.934	7.757.548.854	6.119.228.065	-	31.573.327.639
Súc vật nuôi chuyển đàn	-	-	-	-	3.322.426.476	3.322.426.476
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	1.677.799.940	(1.660.111.940)	-	(17.688.000)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	136.677.966	-	549.905.480	-	1.261.470.596	1.948.054.042
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ 31/3/2009</b>	<b>511.010.074.160</b>	<b>1.760.013.451.648</b>	<b>270.181.653.527</b>	<b>96.053.520.544</b>	<b>23.507.310.543</b>	<b>2.660.766.010.422</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu kỳ 01/01/2009</b>	<b>138.864.010.638</b>	<b>792.233.175.739</b>	<b>93.495.930.439</b>	<b>59.381.422.940</b>	<b>5.476.345.317</b>	<b>1.089.450.885.074</b>
Khấu hao trong kỳ	6.117.174.841	33.266.455.547	5.339.016.157	4.389.793.197	918.814.132	50.031.253.874
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	97.871.662	(97.871.662)	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	52.677.966	-	549.905.480	-	136.236.869	738.820.315
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ 31/3/2009</b>	<b>145.026.379.175</b>	<b>825.401.759.624</b>	<b>98.285.041.116</b>	<b>63.771.216.137</b>	<b>6.258.922.580</b>	<b>1.138.743.318.633</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
Tại ngày đầu năm	<b>366.292.738.944</b>	<b>955.159.911.883</b>	<b>161.606.881.337</b>	<b>30.157.044.319</b>	<b>15.970.009.346</b>	<b>1.529.186.585.828</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>365.983.694.984</b>	<b>934.611.692.024</b>	<b>171.896.612.411</b>	<b>32.282.304.407</b>	<b>17.248.387.964</b>	<b>1.522.022.691.789</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	35.750.347.200	-	-	43.665.730.117	79.416.077.317
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng do góp vốn	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 31/3/2009	35.750.347.200	-	-	43.665.730.117	79.416.077.317
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ 01/01/2009	11.608.069.186	-	-	16.939.838.993	28.547.908.179
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	3.546.872.367	3.546.872.367
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ 31/3/2009	11.608.069.186	-	-	20.486.711.360	32.094.780.546
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
Tại ngày đầu năm	24.142.278.014	-	-	26.725.891.124	50.868.169.138
Tại ngày cuối kỳ	24.142.278.014	-	-	23.179.018.757	47.321.296.771

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Số dư đầu kỳ	356.867.733.457	598.307.343.777
Tăng trong kỳ	65.290.810.893	99.644.881.467
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	31.573.327.639	1.893.623.499
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	-
Chuyển sang HTK	-	-
Thanh lý	-	-
Giảm khác	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>390.585.216.711</b>	<b>696.058.601.745</b>

Trong đó có các công trình lớn là:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Hệ thống ERP II	-	22.893.960.955
MMTB cho trại bò Nghệ An	17.492.147.752	14.206.283.432
Dự Án máy A3 Speed Sài Gòn Milk	52.098.897.047	-
Dây chuyền cà phê hòa tan E&E	162.766.640.412	157.713.649.974
35 Xe tải Hyundai HD72 3.5T	20.066.666.655	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

18 Xe tải đông lạnh Veryca - Model DH-100H	4.834.840.014	
Trang trại bò sữa Nghệ An	28.548.549.445	
Mở rộng nhà máy sữa Hà Nội	8.560.106.251	7.684.742.765
VNM Tower - Phần chi phí của DA	4.038.834.386	
VNM Tower - Phần xây dựng	16.448.060.422	
Tòa nhà văn phòng CNCT	36.670.313.505	19.186.800.000
Hệ thống chế biến sữa tươi và Yogurt Tiên Sơn	-	55.402.194.173
Máy rót hộp Slim TBA 22 C/S : 20,000 hộp/giờ	-	22.490.566.568
Máy rót sữa hộp 200 Slim TBA19/200S	-	13.079.232.078
Máy rót sữa TPA3 Flex ( 26 1024)	-	31.583.603.240
Máy tạo gân lon sữa bột	-	12.829.442.973
Dây chuyền chiết rót sữa chua men sống - SGM	-	16.085.665.240
Dây chuyền chế biến sữa đặc	-	23.600.880.993
XDCB NM sữa Tiên Sơn	-	77.696.044.985
XDCB NM sữa Đà Nẵng	235.727.273	17.031.311.785
Giai đoạn II - Nhà kho 10.000m2 - Cần Thơ	-	34.590.513.401
Các công trình khác	38.824.433.549	169.983.709.183

**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

<u>Tên công ty liên kết , liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	7.492.684.826
- Trang trại mẫu Campina - Hợp đồng kinh doanh đồng kiểm soát	25,00%	25,00%	7.209.270.725
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	20,00%	20,00%	9.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b>23.701.955.551</b>

**15. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư cổ phiếu	390.915.313.800	390.915.313.800
- Đầu tư trái phiếu	40.000.000	3.240.000.000
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	152.800.000.000	152.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>543.755.313.800</b>	<b>546.955.313.800</b>

**16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(11.252.560.000)	-
- Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>(11.252.560.000)</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	193.914.048.807	-	-	1.306.399.906	192.607.648.901
- CP trả trước dài hạn khác	1.598.280.191	3.440.434.437	26.318.333	2.731.321.248	2.281.075.047
<b>Cộng</b>	<b>195.512.328.998</b>	<b>3.440.434.437</b>	<b>26.318.333</b>	<b>4.037.721.154</b>	<b>194.888.723.948</b>

**18. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng		178.258.500.000
- Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23)	9.963.436.000	9.963.436.000
<b>Cộng</b>	<b>9.963.436.000</b>	<b>188.221.936.000</b>

**19. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nhà cung cấp nội địa	163.521.489.678	215.109.536.396
- Nhà cung cấp nước ngoài	92.850.958.279 1	267.809.425.037
- Nhà phân phối	8.247.240.916	9.637.044.746
<b>Cộng</b>	<b>264.619.688.873</b>	<b>492.556.006.179</b>

**20. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước:**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.781.533.734	91.134.300.697	52.268.717.225	45.647.117.206
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	6.087.266.692	31.503.677.679	31.100.522.755	6.490.421.616
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	2.341.093.579	16.532.020.108	15.463.048.765	3.410.064.922
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.526.596.060	104.700.448.281	44.208.310.115	96.018.734.226
- Thuế thu nhập cá nhân	13.180.248.504	465.148.475	13.425.580.175	219.816.804
- Thuế tài nguyên	6.412.620	20.419.290	19.757.270	7.074.640
- Thuế nhà đất	-	41.890.984	41.890.984	-
- Tiền thuê đất	-	501.692.000	501.692.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Các loại thuế khác	264.400.641	420.100.582	684.501.223	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	32.597.638	32.597.638	-
<b>Cộng</b>	<b>64.187.551.830</b>	<b>245.352.295.734</b>	<b>157.746.618.150</b>	<b>151.793.229.414</b>

**21. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ, thưởng bán hàng cho khách hàng	90.752.814.707	106.701.087.846
- Chí phí quảng cáo	36.184.576.944	21.470.581.127
- Chi phí vận chuyển	6.031.838.347	5.139.294.140
- Chi phí xuất khẩu	87.132.212	45.346.969
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	4.714.493.131	1.531.249.695
- Chi phí phải trả khác	9.934.942.582	9.164.781.918
<b>Cộng</b>	<b>147.705.797.923</b>	<b>144.052.341.695</b>

**22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	88.279.908	-
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	58.679.903	1.454.500
- Kinh phí công đoàn	556.248.607	514.740.885
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.851.400.000	6.247.400.000
- Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	-	-
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	7.844.614.757	10.267.609.757
- Phải trả cho cổ đông góp vốn mua cổ phiếu đầu tư	23.016.600.000	23.016.600.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.444.291.345	34.416.514.870
<b>Cộng</b>	<b>72.860.114.520</b>	<b>74.464.320.012</b>

**23. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn ngân hàng	-	-
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	19.926.872.000	22.417.731.000
- Nợ dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.926.872.000</b>	<b>22.417.731.000</b>
<b>Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn</b>		
Từ 1 năm trở xuống	9.963.436.000	
Trên 1 năm đến 5 năm	19.926.872.000	
Trên 5 năm	-	
<b>Tổng nợ</b>	<b>29.890.308.000</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**24. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	9
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.752.756.700.000</b>	<b>1.064.948.051.177</b>	<b>744.541.696.836</b>	<b>136.312.134.839</b>	<b>91.622.417.265</b>	<b>525.757.147.704</b>	<b>4.315.938.147.821</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.250.119.487.702	1.250.119.487.702
- Trích lập các quỹ	-	-	125.155.330.786	38.963.535.161	125.155.330.786	(289.274.196.733)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	3.783.738.872	9.820.154	3.793.559.026
- Cổ tức	-	-	-	-	2.841.760.000	(683.575.113.000)	(680.733.353.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(127.205.195.784)	-	(127.205.195.784)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.752.756.700.000</b>	<b>1.064.948.051.177</b>	<b>869.697.027.622</b>	<b>175.275.670.000</b>	<b>96.198.051.139</b>	<b>803.037.145.827</b>	<b>4.761.912.645.765</b>
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	485.182.986.039	485.182.986.039
- Trích lập các quỹ	-	-	49.643.554.604	-	49.643.554.604	(99.287.109.207)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	4.514.000	4.922.995.000	4.927.509.000
- Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(87.080.000.751)	-	(87.080.000.751)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>1.752.756.700.000</b>	<b>1.064.948.051.177</b>	<b>919.340.582.226</b>	<b>175.275.670.000</b>	<b>58.766.118.992</b>	<b>1.193.856.017.659</b>	<b>5.164.943.140.053</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Vốn đầu tư của Nhà nước	834.312.189.200	47,60%	834.312.189.200	47,60%
- Vốn góp của Nước ngoài	779.976.731.500	44,50%	781.378.936.860	44,58%
- Vốn góp của nhà đầu tư trong nước	138.467.779.300	7,90%	137.065.573.940	7,82%
- Thặng dư vốn cổ phần	1.064.948.051.177		1.064.948.051.177	
<b>Cộng</b>	<b><u>2.817.704.751.177</u></b>		<b><u>2.817.704.751.177</u></b>	

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng doanh thu	<b>2.109.616.212.434</b>	<b>1.804.944.206.961</b>
• <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	28.159.271.543	41.604.502.685
• <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	2.079.142.173.208	1.761.364.419.528
• <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.314.767.683	1.975.284.748
Các khoản giảm trừ doanh thu:	<b>41.034.747.453</b>	<b>32.395.579.628</b>
• <i>Chiết khấu thương mại</i>	36.785.033.790	28.592.627.245
• <i>Giảm giá hàng bán</i>	-	-
• <i>Hàng bán bị trả lại</i>	4.249.713.663	3.802.952.383
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>2.068.581.464.981</u></b>	<b><u>1.772.548.627.333</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
• <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i>	2.066.266.697.298	1.770.573.342.585
• <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	2.314.767.683	1.975.284.748

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	24.305.750.357	23.055.788.191
- Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.370.147.171.928	1.224.396.594.185
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	225.784.644	571.227.905
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	1.527.400	22.661.688
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	4.986.453.532	3.331.953.315
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.852.270.138)	(5.051.069.389)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.397.814.417.723</u></b>	<b><u>1.246.327.155.895</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.957.994.894	4.266.613.446
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	719.592.665	887.127.769
- Lãi trái phiếu	147.333.333	441.040.000
- Lãi tiền cho vay	8.286.793	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	965.280.000	192.000.000
- Cổ phiếu thương	-	3.363.200.000
- Lãi đầu tư chứng khoán	-	117.001.467.138
- Lãi chênh lệch tỷ giá	46.927.235.001	3.315.761.233
- Khác	26.241.092.887	37.461.218
<b>Cộng</b>	<b><u><u>80.966.815.573</u></u></b>	<b><u><u>129.504.670.804</u></u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Lãi vay ngân hàng	997.894.958	7.463.944.700
- Lãi vay các tổ chức khác, lãi ký quỹ	577.713.231	1.170.838.196
- Lỗ đầu tư chứng khoán	-	-
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	-	506.495.758
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.136.434.043	3.489.325.860
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	5.487.001.200	1.068.251.000
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	11.252.560.000	73.026.435.001
- Khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u><u>35.451.603.432</u></u></b>	<b><u><u>86.725.290.515</u></u></b>

**5. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.197.014.667	1.156.067.932
- Thu thanh lý phế liệu, CCDC, VTKT	6.914.343.201	13.707.802.013
- Thu nhập từ bán và thuê lại tài sản	-	-
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.269.613.306	847.863.801
- Các khoản thu nhập được hỗ trợ từ nhà cung cấp	11.874.215.866	20.920.999.340
- Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	-
- Thu được từ các khoản thuế được hoàn	83.721.725	2.563.143.600
- Thu nhập từ việc hoàn nhập CP trích trước của năm trước không sử dụng hết	-	12.055.003
- Thu nhập khác	3.228.548.184	703.278.030
<b>Cộng</b>	<b><u><u>25.567.456.949</u></u></b>	<b><u><u>39.911.209.719</u></u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**6. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	1.209.233.726	1.176.454.532
- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	48.192.339
- Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	175.141.678	679.204.045
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	242.638	-
- Thuế bị phạt, bị truy thu	-	-
- Chi phí khác	3.746.138.927	630.544.918
<b>Cộng</b>	<b><u>5.130.756.969</u></b>	<b><u>2.534.395.834</u></b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	485.182.986.039	295.723.013.595
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	485.182.986.039	295.723.013.595
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	175.275.670	175.275.670
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.768</u></b>	<b><u>1.687</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	175.275.670	175.275.670
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b><u>175.275.670</u></b>	<b><u>175.275.670</u></b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.336.681.664.900	1.208.013.860.159
- Chi phí nhân công	107.442.600.707	91.753.453.605
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.999.130.645	36.251.613.051
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.403.392.929	55.400.493.757
- Chi phí khác	172.012.682.642	176.302.277.804
<b>Cộng</b>	<b><u>1.730.539.471.823</u></b>	<b><u>1.567.721.698.376</u></b>

Trong đó bao gồm:

**Chi phí sản xuất:**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.330.522.185.124	1.202.721.179.010
- Chi phí nhân công	58.074.059.325	52.319.168.756
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.666.812.607	28.996.225.039
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.723.319.438	19.366.059.520
- Chi phí khác	3.803.196.771	2.651.962.389
<b>Cộng</b>	<b><u>1.453.789.573.265</u></b>	<b><u>1.306.054.594.714</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

**Chi phí bán hàng**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Cùng kỳ năm trước</b>
- Chi phí cho nhân viên	31.011.334.899	21.005.466.119
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.623.712.347	4.381.918.491
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	5.906.730.924	1.741.365.698
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.053.381.179	1.244.428.349
- Chi phí bảo hành	1.188.800.398	104.306.179
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.362.506.757	20.962.690.791
- Chi phí khác bằng tiền	146.743.621.814	154.234.104.991
<b>Cộng</b>	<b><u>216.890.088.318</u></b>	<b><u>203.674.280.618</u></b>

**Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Cùng kỳ năm trước</b>
- Chi phí cho nhân viên	18.357.206.483	18.428.818.730
- Chi phí vật liệu quản lý	1.535.767.429	910.762.658
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.457.541.867	3.276.620.053
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.278.936.859	6.010.959.663
- Thuế, phí, lệ phí	791.459.175	752.769.483
- Chi phí dự phòng	-	1.195.238.945
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.317.566.734	15.071.743.446
- Chi phí khác bằng tiền	12.121.331.693	12.345.910.066
<b>Cộng</b>	<b><u>59.859.810.240</u></b>	<b><u>57.992.823.044</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2009

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lương và các quyền lợi gộp khác	15.710.964.769	22.215.185.000

Cho mục đích công bố thông tin về các bên liên quan, các chức trách quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

#### 2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Quý I năm 2009		Quý I năm 2008	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.823.103.500.054	286.512.712.380	1.543.692.731.104	261.251.475.857
2. Các khoản giảm trừ	41.034.747.453	-	32.395.579.628	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 – 03)	1.782.068.752.601	286.512.712.380	1.511.297.151.476	261.251.475.857
4. Giá vốn hàng bán	1.191.716.803.073	206.097.614.650	1.041.420.127.043	204.907.028.852
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 – 11 )	590.351.949.528	80.415.097.730	469.877.024.433	56.344.447.005

#### 3. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ:

Vào ngày 17/02/2009, Công ty đã ký Hợp Đồng Chuyển Nhượng Vốn với SabMiller Asia, theo nội dung của hợp đồng này thì Công ty sẽ chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty Liên Doanh SabMiller Việt Nam với giá 8.250.000 USD. Ngoài ra, Công ty Liên Doanh SabMiller Việt Nam sẽ hoàn trả toàn bộ khoản vay 12.250.000 USD cho Công Ty. Đến thời điểm 31/03/2009 toàn bộ việc chuyển nhượng và nhận lại toàn bộ khoản cho vay đã hoàn tất.

Lập ngày 25 tháng 04 năm 2009

<b>Trưởng Ban Kế Toán Tổng Hợp</b>	<b>P. Tổng Giám Đốc Tài Chính</b>	<b>Tổng Giám Đốc</b>
		
<b>Nguyễn Việt Hùng</b>	<b>Ngô Thị Thu Trang</b>	<b>Mai Kiều Liên</b>

